



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 30 tháng 7 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Đức Trị	Chủ tịch
	Ông Phạm Văn Tân	Thành viên
	Bà Trần Tường Anh	Thành viên
	Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên
	Ông Lê Quốc Ân	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên
<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Nguyễn Thị Kim Khanh	Trưởng ban
	Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên
	Ông Nguyễn Ngọc Cách	Thành viên
<b>Ban điều hành</b>	Ông Nguyễn Văn Hải	Tổng Giám đốc
	Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Trần Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Trần Thị Hòa Châu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành
	Ông Phan Văn Phước	Giám đốc điều hành
	Ông Phan Quang Long	Giám đốc điều hành
	Ông Nguyễn Phước Hoàng	Giám đốc điều hành
	Ông Nguyễn Văn Cường	Giám đốc điều hành
Bà Nguyễn Thị Tường Long	Kế toán trưởng	
<b>Trụ sở đăng ký</b>	36 Phố Ông Ích Đường Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ Thành phố Đà Nẵng Việt Nam	
	<b>Công ty kiểm toán</b>	
	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban điều hành

Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 8 năm 2021

112  
ĐN  
NH  
PI  
LIÊN



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-02-00159-21-1



Đoàn Thanh Toàn  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 3073-2019-007-1  
Phó Tổng Giám đốc  
Hà Nội, **12-08-2021**



Phạm Thị Thùy Linh  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.124.444.665.599</b>	<b>903.874.975.508</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>45.133.344.511</b>	<b>31.978.925.915</b>
Tiền	111		5.533.344.511	4.769.925.915
Các khoản tương đương tiền	112		39.600.000.000	27.209.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>78.037.800.000</b>	<b>24.357.800.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	78.037.800.000	24.357.800.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>388.731.843.573</b>	<b>348.912.806.303</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	349.883.518.190	328.293.580.969
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		31.238.534.304	20.151.453.649
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		426.400.000	591.200.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	13.081.620.350	5.381.647.297
Dự phòng phải thu khó đòi	137	12	(5.898.229.271)	(5.540.350.289)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	35.274.677
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>13</b>	<b>580.999.751.677</b>	<b>465.224.592.977</b>
Hàng tồn kho	141		581.843.517.530	469.854.979.554
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(843.765.853)	(4.630.386.577)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>31.541.925.838</b>	<b>33.400.850.313</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	7.749.701.679	6.262.364.210
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.792.224.159	27.138.486.103

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>614.439.264.258</b>	<b>622.602.219.739</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>973.096.000</b>	<b>1.165.096.000</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		588.200.000	710.200.000
Phải thu dài hạn khác	216		384.896.000	454.896.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>489.993.850.863</b>	<b>510.979.330.930</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	487.795.681.033	509.739.561.698
<i>Nguyên giá</i>	222		1.468.842.466.233	1.446.173.345.962
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(981.046.785.200)	(936.433.784.264)
Tài sản cố định vô hình	227	15	2.198.169.830	1.239.769.232
<i>Nguyên giá</i>	228		11.599.495.156	10.308.304.109
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.401.325.326)	(9.068.534.877)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.934.290.608</b>	<b>3.708.155.197</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	1.934.290.608	3.708.155.197
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>99.008.263.394</b>	<b>85.882.976.572</b>
Đầu tư vào công ty con	251	9(b)	92.748.900.000	92.748.900.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	9(b)	10.428.000.000	10.428.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(b)	(11.924.338.606)	(25.049.625.428)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>22.529.763.393</b>	<b>20.866.661.040</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	22.529.763.393	20.866.661.040
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.738.883.929.857</b>	<b>1.526.477.195.247</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.296.716.278.027</b>	<b>1.084.681.934.024</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.072.103.705.201</b>	<b>858.784.280.099</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	241.742.180.813	194.902.149.019
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.434.643.139	33.068.610.755
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	20.609.262.054	9.790.972.826
Phải trả người lao động	314		224.196.427.414	230.636.580.011
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	3.587.920.562	4.041.127.905
Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn	318		580.474.844	1.090.909.090
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	42.659.364.640	19.156.055.225
Vay ngắn hạn	320	22(a)	455.450.194.453	293.574.083.910
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	69.843.237.282	72.523.791.358
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>224.612.572.826</b>	<b>225.897.653.925</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		10.740.759.952	10.740.759.952
Vay dài hạn	338	22(b)	213.871.812.874	215.156.893.973
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>442.167.651.830</b>	<b>441.795.261.223</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>442.167.651.830</b>	<b>441.795.261.223</b>
Vốn cổ phần	411	25	225.000.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	225.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	137.428.205.782	128.382.421.384
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		79.739.446.048	88.412.839.839
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		43.076.706.676	31.193.614.548
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		36.662.739.372	57.219.225.291
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.738.883.929.857</b>	<b>1.526.477.195.247</b>

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

Mẫu B 02a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	1.402.326.284.232	1.498.400.929.509
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		333.695.004	747.523.899
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>1.401.992.589.228</b>	<b>1.497.653.405.610</b>
Giá vốn hàng bán	11		1.295.078.589.144	1.390.207.707.113
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>106.914.000.084</b>	<b>107.445.698.497</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	12.204.378.574	14.713.456.618
Chi phí tài chính	22	31	(5.304.367.102)	14.474.355.131
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.034.323.807	7.990.483.471
Chi phí bán hàng	25	32	33.765.816.108	29.700.364.746
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	50.137.794.688	48.230.319.483
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>40.519.134.964</b>	<b>29.754.115.755</b>
Thu nhập khác	31	34	845.844.728	2.000.515.917
Chi phí khác	32	35	697.726.953	827.387.794
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>148.117.775</b>	<b>1.173.128.123</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>40.667.252.739</b>	<b>30.927.243.878</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	4.004.513.367	3.227.055.049
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>36.662.739.372</b>	<b>27.700.188.829</b>

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
 Chuyên viên



Nguyễn Thị Tường Long  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Hải  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>40.667.252.739</b>	<b>30.927.243.878</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		53.825.712.322	63.740.727.928
Các khoản dự phòng	03		(16.147.903.811)	9.488.694.564
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		977.103.222	950.285.727
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.570.031.910)	(3.571.410.461)
Chi phí lãi vay	06		5.034.323.807	7.990.483.471
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>80.786.456.369</b>	<b>109.526.025.107</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(36.706.745.248)	(19.386.954.125)
Biến động hàng tồn kho	10		(111.988.537.976)	17.088.141.693
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		26.435.889.161	(7.605.298.493)
Biến động chi phí trả trước	12		(3.150.439.822)	126.655.716
			<b>(44.623.377.516)</b>	<b>99.748.569.898</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.015.836.507)	(8.000.018.936)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.590.578.145)	(1.604.344.551)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		206.719.141	215.821.774
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.377.621.982)	(6.846.318.758)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(57.400.695.009)</b>	<b>83.513.709.427</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(26.536.743.480)	(77.463.400.246)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		235.454.546	681.818.182
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(61.310.000.000)	(8.755.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		7.916.800.000	114.600.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.782.187.364	1.282.592.279
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(77.912.301.570)</b>	<b>(84.139.389.785)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		1.294.853.242.269	1.198.872.516.034
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.134.596.822.094)	(1.204.205.691.805)
Tiền trả cổ tức	36		(11.789.005.000)	(35.212.447)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>148.467.415.175</b>	<b>(5.368.388.218)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>13.154.418.596</b>	<b>(5.994.068.576)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>31.978.925.915</b>	<b>16.093.433.378</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>8</b>	<b>45.133.344.511</b>	<b>10.099.364.802</b>

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập:



**Đặng Thị Oanh Nữ**  
Chuyên viên

Người duyệt:



**Nguyễn Thị Tường Long**  
Kế toán trưởng




**Nguyễn Văn Hải**  
Tổng Giám đốc

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính**

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020 và đã ảnh hưởng lớn đến thu nhập của người dân và hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn và phòng ngừa, trong đó nổi bật là việc thực hiện cách ly xã hội và đang từng bước đẩy mạnh tiêm chủng toàn dân. Tuy nhiên, sự lây lan và phát triển của dịch bệnh tại Việt Nam những ngày này đang diễn ra hết sức phức tạp. Mức độ ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Cấu trúc Tổng Công ty**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau của Tổng Công ty:

<b>Tên</b>	<b>Thông tin chính</b>
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-001 ngày 27 tháng 12 năm 2013 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Thành phố Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-003 ngày 21 tháng 10 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ Điện Bàn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-004 ngày 14 tháng 3 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ - Đông Hà	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-008 ngày 18 tháng 5 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-009 ngày 31 tháng 8 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ - Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-014 ngày 31 tháng 10 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Quế Sơn - Quảng Nam	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-019 ngày 29 tháng 3 năm 2019 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ Triệu Phong	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-020 ngày 29 tháng 7 năm 2020 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có 5 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2021: 5 công ty con và 2 công ty liên kết), được liệt kê trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có 8.534 nhân viên (1/1/2021: 8.751 nhân viên).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tổng Công ty tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm tại đơn vị nhận đầu tư so với giá trị đầu tư của Tổng Công ty. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tổng Công ty tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm tại đơn vị nhận đầu tư so với giá trị đầu tư của Tổng Công ty. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(n) Thuê tài sản**

**Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban điều hành thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

**6. Các khoản mục bất thường**

Ngoại trừ các vấn đề được nêu ở Thuyết minh 1(d), Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị**

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	54.398.117	58.097.500
Tiền gửi ngân hàng	5.478.946.394	4.711.828.415
Các khoản tương đương tiền (i)	39.600.000.000	27.209.000.000
	<hr/>	<hr/>
	45.133.344.511	31.978.925.915

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất năm từ 3,3% đến 3,8% tại các ngân hàng thương mại (1/1/2021: từ 3,5% đến 4,0%).

**9. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 4 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất năm từ 3,7% đến 6,9% (1/1/2021: từ 4,9% đến 6,9%).



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ	30/6/2021					1/1/2021				
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:											
<b>Công ty con</b>											
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Đà Nẵng	384.424	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	Quảng Nam	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(1.163.705.511)	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(1.406.845.655)
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Quảng Nam	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	Quảng Nam	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	-	7.449.000	74,49%	74,49%	74.490.000.000	(13.097.985.065)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	Đà Nẵng	-	100%	100%	2.000.000.000	(268.364.872)	-	100%	100%	2.000.000.000	(52.526.485)
					<b>92.748.900.000</b>	<b>(1.432.070.383)</b>				<b>92.748.900.000</b>	<b>(14.557.357.205)</b>
<b>Công ty liên kết</b>											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)
					<b>10.428.000.000</b>	<b>(4.000.000.000)</b>				<b>10.428.000.000</b>	<b>(4.000.000.000)</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Địa chỉ	30/6/2021					1/1/2021				
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đơn vị khác</b>											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(192.268.223)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(192.268.223)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					7.755.702.000	(6.492.268.223)					
					110.932.602.000	(11.924.338.606)					
					7.755.702.000	(6.492.268.223)					
					110.932.602.000	(25.049.625.428)					

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Haggar Clothing Co.	66.813.084.629	41.683.438.845
Motives International (Hong Kong) Limited	62.930.824.210	78.078.624.227
Supreme International LLC	34.453.812.775	44.510.862.972
Gamal Ibrahim Ahmed Al Okiya	28.057.564.240	11.522.746.487
Kuraray Trading Co., Ltd	23.445.483.594	13.948.063.314
Hultafors Group AB	21.112.630.743	1.628.629.320
Destination XL Group Inc	17.675.621.522	13.065.753.409
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	16.921.883.629	24.438.135.948
GDTEX Hongkong Limited	11.996.582.078	7.962.071.109
Haggar Canada Co.	-	24.148.352.799
Các khách hàng khác	66.476.030.770	67.306.902.539
	<b>349.883.518.190</b>	<b>328.293.580.969</b>

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	50.916.860	83.811.334
<b>Các công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	16.921.883.629	24.438.135.948
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	1.912.293.960	164.715.800
	<b>18.885.094.449</b>	<b>24.686.663.082</b>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bông cho mượn	6.113.385.701	277.130.995
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	2.806.885.800	2.954.777.668
Tạm ứng	1.722.325.493	551.970.821
Phải thu về cổ tức	266.790.000	-
Phải thu khác	2.172.233.356	1.597.767.813
	<hr/>	<hr/>
	13.081.620.350	5.381.647.297
	<hr/>	<hr/>

11/06/2021



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Thời gian quá hạn	30/6/2021			Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	1/1/2021		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND				Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà (*)	Trên 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-	Trên 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-	
Công ty TNHH May Phú Tường	Trên 3 năm	-	-	-	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-	
	Từ 6 tháng đến dưới 2 năm	2.880.547.450	(1.064.485.235)	1.816.062.215	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.001.605.000	(300.481.500)	701.123.500	
		<u>7.714.291.486</u>	<u>(5.898.229.271)</u>	<u>1.816.062.215</u>		<u>6.241.473.789</u>	<u>(5.540.350.289)</u>	<u>701.123.500</u>	

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi

(5.898.229.271)(5.540.350.289)

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, khoản phải thu khó đòi từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà đã bị xóa sổ do không có khả năng thu hồi.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Hàng tồn kho**

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	78.240.605.925	-	46.721.220.081	-
Nguyên vật liệu	151.236.853.346	-	109.744.922.498	-
Công cụ và dụng cụ	1.761.349.508	-	2.267.538.947	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	167.946.394.840	-	179.244.369.392	-
Thành phẩm	165.521.362.545	(811.238.053)	90.986.785.236	(4.458.136.712)
Hàng hóa	2.657.389.012	-	4.493.090.254	-
Hàng gửi đi bán	14.479.562.354	(32.527.800)	36.397.053.146	(172.249.865)
	581.843.517.530	(843.765.853)	469.854.979.554	(4.630.386.577)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có 17.060 triệu VND (1/1/2021: 20.315 triệu VND) hàng thành phẩm và hàng gửi đi bán được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 540.125 triệu VND (1/1/2021: 362.138 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 22(a)).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	354.522.824.856	936.025.416.530	57.438.147.666	7.457.711.683	90.729.245.227	1.446.173.345.962
Tăng trong kỳ	31.818.182	8.070.545.720	60.569.800	126.462.291	441.000.000	8.730.395.993
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	639.589.341	15.522.458.644	5.036.860.000	48.556.200	1.658.640.904	22.906.105.089
Thanh lý	(562.394.199)	(7.046.171.981)	(1.038.035.594)	(206.843.065)	(113.935.972)	(8.967.380.811)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>354.631.838.180</b>	<b>952.572.248.913</b>	<b>61.497.541.872</b>	<b>7.425.887.109</b>	<b>92.714.950.159</b>	<b>1.468.842.466.233</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	135.452.116.783	692.954.173.401	31.104.715.260	6.000.710.801	70.922.068.019	936.433.784.264
Khấu hao trong kỳ	8.388.612.217	37.679.381.329	2.876.544.493	341.664.320	4.206.719.514	53.492.921.873
Thanh lý	(562.394.199)	(6.958.712.107)	(1.038.035.594)	(206.843.065)	(113.935.972)	(8.879.920.937)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>143.278.334.801</b>	<b>723.674.842.623</b>	<b>32.943.224.159</b>	<b>6.135.532.056</b>	<b>75.014.851.561</b>	<b>981.046.785.200</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	219.070.708.073	243.071.243.129	26.333.432.406	1.457.000.882	19.807.177.208	509.739.561.698
Số dư cuối kỳ	211.353.503.379	228.897.406.290	28.554.317.713	1.290.355.053	17.700.098.598	487.795.681.033

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 575.833 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 565.571 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 205.443 triệu VND (1/1/2021: 274.014 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 22(a)) và dài hạn (Thuyết minh 22(b)) của Tổng Công ty.

**15. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	10.308.304.109
Tăng trong kỳ	913.879.900
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	377.311.147
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	11.599.495.156
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	9.068.534.877
Khấu hao trong kỳ	332.790.449
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	9.401.325.326
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	1.239.769.232
Số dư cuối kỳ	2.198.169.830
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 8.161 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 7.494 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	3.708.155.197	34.574.549.250
Tăng trong kỳ	21.509.551.647	61.523.806.666
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(22.906.105.089)	(51.856.160.225)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(377.311.147)	-
Số dư cuối kỳ	1.934.290.608	44.242.195.691

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Nhà máy May Triệu Phong	1.318.339.527	2.363.605.351
Máy móc thiết bị sợi	572.500.000	575.750.000
Các công trình khác	43.451.081	768.799.846
	1.934.290.608	3.708.155.197

**17. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Trả trước phí bảo hiểm	1.963.692.988	1.212.069.547
Công cụ và dụng cụ	1.946.092.379	2.118.749.562
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	1.466.333.201	742.175.166
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.373.583.111	2.189.369.935
	7.749.701.679	6.262.364.210

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu kỳ	12.606.910.743	8.259.750.297	20.866.661.040
Tăng trong kỳ	3.152.672.832	4.519.395.137	7.672.067.969
Phân bổ trong kỳ	(4.465.445.136)	(1.543.520.480)	(6.008.965.616)
Số dư cuối kỳ	11.294.138.439	11.235.624.954	22.529.763.393

**18. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hultafors Group AB	35.770.275.620	12.009.223.239
Devcot S.A	19.350.218.802	7.459.357.394
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	17.303.930.333	16.754.023.232
Công ty TNHH Phồn Thịnh - Tae Gwang	16.899.470.785	1.706.790.907
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd	14.431.448.974	8.354.163.269
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	11.447.214.168	12.453.389.509
Cotton Service International GmbH	9.332.392.393	-
Motives International (Hong Kong) Limited	5.851.825.286	7.140.332.328
Fujian Jingwei New Fiber Science and Technology Co., Ltd.	5.043.637.248	4.088.507.674
Louis Dreyfus Company Suisse SA	4.538.182.953	-
Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất Bao Bì Hải Vương	4.085.923.434	4.068.564.372
Viterra B.V	-	12.365.622.756
Các nhà cung cấp khác	97.687.660.817	108.502.174.339
	<b>241.742.180.813</b>	<b>194.902.149.019</b>

T.T. IAN H.A.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	17.303.930.333	16.754.023.232
<b>Công ty con</b>		
Công ty TNHH MTV Cơ khí xây dựng Hòa Thọ	150.923.293	298.894.535
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	11.447.214.168	12.453.389.509
<b>Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	4.600.605.221	3.173.676.976
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	18.590.000	-
	<b>33.521.263.015</b>	<b>32.679.984.252</b>

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.948.952.574	48.481.095.376	(41.123.985.462)	14.306.062.488
Thuế nhập khẩu	153.955.742	950.897.594	(1.001.291.358)	103.561.978
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.588.571.415	4.004.513.367	(2.590.578.145)	4.002.506.637
Thuế thu nhập cá nhân	99.493.095	2.422.513.315	(2.437.665.787)	84.340.623
Tiền thuê đất	-	2.112.790.328	-	2.112.790.328
Các loại thuế khác	-	812.479.465	(812.479.465)	-
	<b>9.790.972.826</b>	<b>58.784.289.445</b>	<b>(47.966.000.217)</b>	<b>20.609.262.054</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí hoạt động	1.997.027.892	2.117.493.080
Chi phí lãi vay	170.519.151	152.031.851
Các khoản trích trước khác	1.420.373.519	1.771.602.974
	<hr/>	<hr/>
	3.587.920.562	4.041.127.905
	<hr/>	<hr/>

**21. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	15.163.671.830	14.738.128.892
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	160.000.000	168.706.830
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	272.245.745	311.000.301
Cổ tức phải trả	22.946.780.100	985.785.100
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	763.983.681	763.983.681
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.352.683.284	2.188.450.421
	<hr/>	<hr/>
	42.659.364.640	19.156.055.225
	<hr/>	<hr/>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2021	Biến động trong kỳ		Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	30/6/2021
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	270.082.070.758	1.288.603.242.269	(1.118.314.339.371)	1.091.074.517	441.462.048.173
Vay dài hạn đến hạn trả	23.492.013.152	6.824.932.644	(16.282.482.723)	(46.316.793)	13.988.146.280
	293.574.083.910	1.295.428.174.913	(1.134.596.822.094)	1.044.757.724	455.450.194.453

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	1,30% – 1,40%	235.124.511.105	110.137.931.723
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	1,45% – 1,50%	47.293.657.008	60.270.102.318
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	1,45%	76.052.030.362	18.590.292.990
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	1,50%	56.078.137.769	73.124.475.103
Vay ngân hàng 5 (ii)	USD	1,49% – 1,53%	26.664.711.929	7.779.268.624
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	8,40%	249.000.000	180.000.000
			441.462.048.173	270.082.070.758

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho (Thuyết minh 13) và tài sản cố định của Tổng Công ty (Thuyết minh 14).

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	227.859.959.154	238.648.907.125
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(13.988.146.280)	(23.492.013.152)
	213.871.812.874	215.156.893.973

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
				<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	5,0%	2022	8.613.766.611	11.633.967.686
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	5,0%	2021	227.467.739	913.199.685
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	4,0%	2021	-	7.265.857.614
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	5,0%	2021	-	629.624.297
Quỹ bảo vệ môi trường (ii)	VND	2,6%	2025	5.890.000.000	-
Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)	USD	2,5%	2021	2.312.000.000	4.640.800.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ (iii)	USD	LIBOR + 0,7%	2039	210.816.724.804	213.565.457.843
				227.859.959.154	238.648.907.125

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 14).
- (ii) Khoản vay này không được đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	72.523.791.358	70.182.908.271
Trích lập trong kỳ	2.540.348.765	9.459.359.816
Tăng khác	206.719.141	215.821.774
Giảm khác	(50.000.000)	-
Sử dụng trong kỳ	(5.377.621.982)	(6.846.318.758)
Số dư cuối kỳ	69.843.237.282	73.011.771.103

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	225.000.000.000	110.084.210.730	115.201.185.018	450.285.395.748
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	27.700.188.829	27.700.188.829
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	18.298.210.654	(18.298.210.654)	-
Cổ tức	-	-	(56.250.000.000)	(56.250.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.459.359.816)	(9.459.359.816)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	225.000.000.000	128.382.421.384	58.893.803.377	412.276.224.761
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	225.000.000.000	128.382.421.384	88.412.839.839	441.795.261.223
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	36.662.739.372	36.662.739.372
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	9.045.784.398	(9.045.784.398)	-
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	(33.750.000.000)	(33.750.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.540.348.765)	(2.540.348.765)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	225.000.000.000	137.428.205.782	79.739.446.048	442.167.651.830

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.500.000	225.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	30/6/2021 và 1/1/2021		
	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	14.615.621	146.156.210.000	64,96%
Các cổ đông khác	7.884.379	78.843.790.000	35,04%
	22.500.000	225.000.000.000	100%

## 26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

## 27. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 17 tháng 4 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 33.750 triệu VND cho năm 2020, tương đương 15% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020: 56.250 triệu VND cho năm 2019, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	24.363.110.568	23.123.304.931
Trong vòng hai đến năm năm	93.406.221.820	93.210.006.385
Sau năm năm	133.370.702.102	128.208.179.536
	<hr/>	<hr/>
	251.140.034.490	244.541.490.852
	<hr/>	<hr/>

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	100.786	2.309.957.664	121.571	2.798.346.880
EUR	221	5.918.823	221	6.180.872
		<hr/>		<hr/>
		2.315.876.487		2.804.527.752
		<hr/>		<hr/>

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	94.160.000.000	51.100.000.000
	<hr/>	<hr/>

**(d) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Nợ không có khả năng thu hồi	2021	406.124.753	-
			<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	1.614.187.364	1.090.592.279
Cổ tức được chia	1.720.390.000	1.799.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.864.216.206	11.785.418.654
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.585.004	38.445.685
	<hr/>	<hr/>
	12.204.378.574	14.713.456.618

**31. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.034.323.807	7.990.483.471
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.809.492.691	5.761.826.953
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	977.103.222	950.285.727
Hoàn nhập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	(13.125.286.822)	(228.241.020)
	<hr/>	<hr/>
	(5.304.367.102)	14.474.355.131

**32. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.040.530.958	1.829.142.419
Chi phí vật liệu, bao bì	313.395.379	230.288.670
Chi phí khấu hao tài sản cố định	488.667.862	403.939.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.700.664.714	21.544.962.025
Chi phí khác	5.222.557.195	5.692.032.488
	<hr/>	<hr/>
	33.765.816.108	29.700.364.746

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí nhân viên	25.264.102.780	24.577.969.554
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.555.056.243	5.087.035.470
Thuế, phí và lệ phí	2.665.509.305	1.599.847.622
Dự phòng phải thu khó đòi	764.003.735	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.956.071.319	5.814.957.027
Chi phí khác	9.933.051.306	11.150.509.810
	<b>50.137.794.688</b>	<b>48.230.319.483</b>

**34. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	235.454.546	681.818.182
Các khoản thu nhập khác	610.390.182	1.318.697.735
	<b>845.844.728</b>	<b>2.000.515.917</b>

**35. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Tiền phạt hợp đồng	50.799.062	26.256.561
Các khoản chi phí khác	646.927.891	801.131.233
	<b>697.726.953</b>	<b>827.387.794</b>

**36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	676.132.649.411	724.625.221.548
Chi phí nhân viên	468.052.230.550	429.406.296.078
Chi phí khấu hao và phân bổ	53.825.712.322	63.740.727.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	209.822.722.566	217.810.556.369



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	4.004.513.367	3.227.055.049

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	40.667.252.739	30.927.243.878
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	4.066.725.274	3.092.724.388
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	286.194.083	401.728.705
Chi phí không được khấu trừ thuế	122.976.946	114.133.199
Thu nhập không bị tính thuế	(172.039.000)	(179.900.000)
Giảm thuế (*)	-	(117.349.000)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	(299.343.936)	(84.282.243)
	4.004.513.367	3.227.055.049

(\*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch cho</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Cổ tức công bố	21.923.431.500	36.539.052.500
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.126.338.637	4.561.086.182
Mua hàng hóa và dịch vụ	10.740.257.306	11.688.283.114
Chi phí lãi vay	1.801.607.235	3.142.315.292
<b>Các công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.160.743.397	4.326.162.726
Mua hàng hóa và dịch vụ	412.049.582	441.388.719
Cổ tức công bố bằng tiền	266.790.000	-
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	451.952.494	247.914.841
Mua hàng hóa và dịch vụ	23.304.599.367	24.001.502.512
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	522.259.658	371.535.367
Mua hàng hóa và dịch vụ	20.037.078.771	15.692.733.107
<b>Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11.321.470	27.355.272
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.630.629.920	1.997.455.577
<b>Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	23.766.828.194	37.354.428.482
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.985.606.784	3.049.274.592
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	583.243.696	509.576.495
Mua hàng hóa và dịch vụ	23.441.181.087	26.760.440.534
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	216.165.313	62.852.680
Mua hàng hóa và dịch vụ	35.301.173.308	33.774.065.985
Cổ tức công bố	1.285.600.000	1.607.000.000

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Giá trị giao dịch cho**  
**kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30/6/2021                      30/6/2020**  
**VND                                      VND**

**Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Công ty TNHH Coats Phong Phú**

Mua hàng hóa và dịch vụ	9.338.297.639	7.851.594.945
-------------------------	---------------	---------------

**Công ty Cổ phần Dệt May Huế**

Bán hàng hóa	202.121.472	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	55.250.000	36.980.000

**Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP**

Bán hàng hóa và dịch vụ	492.718.317	-
-------------------------	-------------	---

**Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Tiền lương, thưởng và thù lao	-	1.128.870.888
-------------------------------	---	---------------

**Tổng Giám đốc**

Tiền lương và thưởng	783.834.551	-
----------------------	-------------	---

**Thành viên khác trong Ban điều hành**

Tiền lương và thưởng	4.225.855.009	4.035.086.034
----------------------	---------------	---------------

**Thành viên Ban kiểm soát**

Tiền lương, thưởng và thù lao	261.494.526	258.429.808
-------------------------------	-------------	-------------

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Tiền lương, thưởng và thù lao	1.336.054.261	-
-------------------------------	---------------	---

**Thành viên của Hội đồng Quản trị**

Thù lao	66.666.666	66.666.666
---------	------------	------------

**Thành viên của Hội đồng Quản trị**

Thù lao	66.666.666	66.666.666
---------	------------	------------

**Thành viên của Hội đồng Quản trị**

Thù lao	66.666.666	-
---------	------------	---

**Thành viên của Hội đồng Quản trị**

Thù lao và thưởng	166.666.665	170.000.000
-------------------	-------------	-------------

**Thành viên của Hội đồng Quản trị**

Thù lao và thưởng	133.333.333	166.666.666
-------------------	-------------	-------------

142-C  
**TY**  
**A HỮU**  
**IG**  
 . T.F

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.285.600.000	-

**40. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh có liên quan, và thông tin cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh có liên quan.

Ngày 11 tháng 8 năm 2021

Người lập:

  

---

Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:

  

---

Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng

  

---

Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

